

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HS-ST
Ngày 10 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân.

Bà Vũ Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Văn T**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1989 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C (đã chết) và bà Lưu Thị L, sinh năm 1952; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **La Văn H**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1985 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Số nhà 19, ngõ 141, đường B, khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 04/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn Q, sinh năm 1957 và bà Lê Thị H, sinh năm 1957; vợ: Chu Thị Thanh T, sinh năm 1988; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. **Vương Văn N**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1980 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 03/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn S (đã chết) và bà D Thị L, sinh năm 1945; vợ: Lê Thị Thúy L, sinh năm 1982; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. **Hoàng Văn M**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 19 tháng 6 năm 1988 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V, sinh năm 1958 và bà Lương Thị N, sinh năm 1964; vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1989; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. **Lê Văn P**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1988 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1958; vợ: Hoàng Thị B, sinh năm 1986; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. **Trần Kim C**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 29 tháng 4 năm 1988 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm 1956 và bà Trịnh Thị C, sinh năm 1954; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 05/6/2008 Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản, ngày 09/6/2008 đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. **Lương Đình C**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1990 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Chính T, sinh năm 1956 và bà

Lương Thị P, sinh năm 1956; vợ: Lương Thị T, sinh năm 1985; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. **Hoàng Văn Q**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 11 tháng 7 năm 1993 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Thống, sinh năm 1973 và bà Nông Thị Nái, sinh năm 1975; vợ: Hoàng Thị Xuyên, sinh năm 1993; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. **Sầm Văn D**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1979 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sầm Văn S (đã chết) và bà Hứa Thị N (đã chết); vợ: Triệu Thị N, sinh năm 1986; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. **Lưu Văn T**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1958 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 03/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T1 (đã chết) và bà Đàm Thị D (đã chết); vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1952; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

11. **Hoàng Văn T**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1981 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C (đã chết) và bà Lưu Thị L, sinh năm 1952; vợ: Lành Thị T; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

12. **Lương Văn Đ**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1985 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Chính T, sinh năm 1956 và bà Lương Thị P, sinh năm 1956; vợ: Triệu Thị Thanh T, sinh năm 1986; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/02/2025. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 29/01/2025 (mùng 1 Tết Nguyên đán) tại sân bóng thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn có nhiều người tụ tập nên Hoàng Văn T nảy sinh ý định đánh bạc xóc đĩa. T về nhà lấy dao và bút, mảnh tre làm quân vị và bát, đĩa đem giấu ở bờ tường gần sân bóng. Sau đó, T rủ Sầm Văn D và Lương Văn Đ đánh bạc thì D, Đ nhất trí. T quay lại bờ tường lấy bát, đĩa và quân vị, T xóc cái cùng D, Đ đánh bạc được vài ván thì lần lượt có Hoàng Văn T, Lưu Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, Trần Kim C, La Văn H đến cùng tham gia đánh bạc. Đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Hữu Lũng phát hiện bắt giữ được Vương Văn N, Hoàng Văn T, Lưu Văn T, La Văn Hoà, còn Hoàng Văn T, Lương Văn Đ, Sầm Văn D, Lương Đình C, Lê Văn P, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn M, Trần Kim C chạy thoát.

Thu giữ tại nơi đánh bạc 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị, 5.150.000 đồng. Thu trên người Lưu Văn T 674.000 đồng, La Văn H 106.000 đồng, Vương Văn N 1.240.000 đồng, Hoàng Văn T 250.000 đồng.

Ngày 29/01/2025 và ngày 30/01/2025, Lê Văn P, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Hoàng Văn M, Lương Đình C, Trần Kim C, Sầm Văn D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện H đầu thú và giao nộp số tiền dùng để đánh bạc khi bỏ chạy gồm: T 1.610.000 đồng, C 100.000 đồng, P 800.000 đồng.

Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, quy định bên phải người cầm cái là cửa chắn, bên trái là cửa lẻ. Người cầm cái cho bốn quân vị vào trong đĩa sau đó úp bát lên rồi xóc; xóc xong đặt xuống chiếu để những người đánh bạc đặt tiền theo cửa chắn hoặc cửa lẻ tùy chọn, mức tối thiểu là 20.000 đồng. Sau khi đặt tiền xong, người cầm cái hoặc người đánh bạc bất kỳ mở bát, nếu quân vị cùng màu là số chắn thì người đặt cửa chắn thắng tiền, cửa lẻ thua tiền và ngược lại. Người cầm cái sẽ lấy tiền của người thua trả cho người thắng, tỷ lệ là 01 ăn 01, còn thừa thì người cầm cái được hưởng, nếu thiếu thì bỏ tiền ra bù.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.930.000 đồng, gồm: Hoàng Văn T 660.000 đồng, Lưu Văn T 734.000 đồng, Vương Văn N 1.140.000

đồng, Hoàng Văn Q 800.000 đồng, Lê Văn P 1.000.000 đồng, Sầm Văn D 750.000 đồng, Lương Văn Đ 220.000 đồng, Hoàng Văn M 970.000 đồng, Lương Đình C 900.000 đồng, Trần Kim C 950.000 đồng.

Vật chứng của vụ án đã được điều tra, làm rõ liên quan đến việc đánh bạc gồm: Số tiền 9.930.000 đồng của các bị cáo dùng đánh bạc, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị của Hoàng Văn T hiện đang tạm giữ.

Đối với con dao, chiếc bút Hoàng Văn T sử dụng làm quân vị, Thực không nhớ đã vứt ở đâu nên không có cơ sở để truy tìm.

Đối với Hoàng Văn T là người nảy sinh ý định, chuẩn bị công cụ để đánh bạc, tuy nhiên, hành vi của bị cáo là bột phát, bị cáo được rủ bị cáo Lương Văn Đ, bị cáo Sầm Văn D đánh bạc tại sân bóng của thôn Đ, xã M, những người còn lại tự đến tham gia đánh bạc. Bị cáo T không phân công ai cảnh giới hoặc thu tiền hưởng lợi từ việc chuẩn bị công cụ đánh bạc, nên hành vi của bị cáo T không cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSHL ngày 17 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn D, Lương Văn Đ, Hoàng Văn T, Lưu Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, Trần Kim C, La Văn H về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị B khai chi không biết việc bị cáo Lê Văn P là chồng chi tham gia đánh bạc như nào, chiều tối ngày 29/01/2025 bị cáo Lê Văn P đã đưa chi số tiền 800.000 đồng, sau đó chi đã giao nộp lại cơ quan điều tra. Chi đề nghị xử lý số tiền đã nộp theo quy định pháp luật.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án ngày 24/03/2025, bị cáo Lưu Văn T đã chết theo trích lục khai tử số 10/2025/TLKT ngày 27/3/2025, nên Tòa án đã quyết định đình chỉ vụ án đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn D, Lương Văn Đ, Hoàng Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, Trần Kim C, La Văn H phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt đề nghị:

- 2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo La Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 08 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vương Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn Đ từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 08 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 09 ngày, tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn M từ 08 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 08 ngày, tương đương 24 ngày cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Kim C từ 08 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Đình C từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 08 ngày, tương đương 24 ngày cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.10. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 09 ngày, tương đương 27 ngày cải tạo

không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.11. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sầm Văn D từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 08 ngày, tương đương 24 ngày cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.930.000 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị.

4. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong vụ án có bị cáo Lưu Văn T đã chết trong thời gian chuẩn bị xét xử, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 282, khoản 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự, Toà án đã quyết định đình chỉ vụ án đối với bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị B vắng mặt không có lý do. Người vắng mặt đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[4] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 29/01/2025 tại sân bóng thuộc Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Văn T chuẩn bị quân vị, bát đĩa rồi xóc cái cùng Sầm Văn D, Lương Văn Đ đánh bạc. Sau đó có Hoàng Văn T, Lưu Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, Trần Kim C, La Văn H đến tham gia đánh bạc. Đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện H phát hiện bắt giữ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.930.000 đồng. Bị cáo Hoàng Văn T là người nảy sinh ý định, chuẩn bị công cụ

để đánh bạc, tuy nhiên, hành vi của bị cáo là bột phát, bị cáo được rủ bị cáo Lương Văn Đ, bị cáo Sầm Văn D đánh bạc tại sân bóng của thôn Đ, xã M, những người còn lại tự đến tham gia đánh bạc. Bị cáo Thực không phân công ai cảnh giới hoặc thu tiền hưởng lợi từ việc chuẩn bị công cụ đánh bạc, nên hành vi của bị cáo T không cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc. Do đó, hành vi của các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn D, Lương Văn Đ, Hoàng Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, Trần Kim C, La Văn H đã phạm vào tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng không tốt đến trật tự trị an trên địa bàn. Để bảo vệ trật tự công cộng, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn D, Lương Văn Đ, Hoàng Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, La Văn H không có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt. Bị cáo Trần Kim C năm 2008 bị xử phạt vi phạm hành chính đã chấp hành xong nên xác định có nhân thân không tốt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn D, Lương Văn Đ, Hoàng Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, Trần Kim C, La Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Lê Văn P, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Hoàng Văn M, Lương Đình C, Trần Kim C, Sầm Văn D đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Lê Văn P, Vương Văn N có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương. Do đó, các bị cáo Lê Văn P, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Hoàng Văn M, Lương Đình C, Trần Kim C, Sầm Văn D, Vương Văn N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lương Văn Đ, Hoàng Văn T, La Văn H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[9] Xét về vai trò đồng phạm: Bị cáo Hoàng Văn T là người khởi xướng việc đánh bạc, chuẩn bị các công cụ, phương tiện cho các bị cáo khác đánh bạc nên là người có vai trò chính. Các bị cáo còn lại đều phạm tội với vai trò là người thực hành tham gia đánh bạc và cùng cố ý thực hiện tội phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể nên sẽ căn cứ vào số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc để xác định vai trò của từng bị cáo.

[10] Trên cơ sở xem xét, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị

cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có nghề nghiệp là lao động tự do hoặc làm ruộng, thu nhập không ổn định, chỉ đủ ăn, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Về khấu trừ thu nhập: Các bị cáo Lê Văn P, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn M, Lương Đình C, Sầm Văn D do thu nhập không ổn định nên không thực hiện việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.930.000 đồng do là tiền dùng vào việc phạm tội.

[15] Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quần vớ do không còn giá trị sử dụng và là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

[16] Đối với chị Hoàng Thị B, chị không biết việc chồng chị là bị cáo Lê Văn P đánh bạc nên có cầm số tiền 800.000 đồng của bị cáo đưa, sau đó chị đã giao nộp lại số tiền cho cơ quan điều tra.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng sung công quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[19] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn D, Lương Văn Đ, Hoàng Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, Trần Kim C, La Văn H phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian

thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo La Văn H 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vương Văn N 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn Đ 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn P 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 09 (chín) ngày, quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 07 (bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 08 (tám) ngày, quy đổi thành 24 (hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 07 (bảy) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện

H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Kim C 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Đình C 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 08 (tám) ngày, quy đổi thành 24 (hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.10. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 09 (chín) ngày, quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.11. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sầm Văn D 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày

30/01/2025 đến ngày 06/02/2025 là 08 (tám) ngày, quy đổi thành 24 (hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.930.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng đường kính 11,5cm, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng đường kính 18,2cm, 04 quân vị một mặt màu gỗ nâu, một mặt tô mực màu đen.

Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng ngày 28/02/2025 và Ủy nhiệm chi ngày 27/02/2025.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn D, Lương Văn Đ, Hoàng Văn T, Vương Văn N, Hoàng Văn Q, Lương Đình C, Hoàng Văn M, Lê Văn P, Trần Kim C, La Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

